TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2018
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tâm
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Lê Thị Liên.
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2017/TLST- HNGĐ ngày 09/11/2017 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Q, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa *(có mặt)*.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lương Thị Q:
Bà Hà Thị Nhàn - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. *(có mặt.)*

2. Bị đơn: Anh Lương Văn C, sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa(*vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Q và anh Lương Văn C kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2014 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng được hai tháng thì vợ chồng ra ở riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Sau khi sinh con được 03 tháng, đến tháng 8/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Anh C đi làm ăn không quan tâm đến gia đình vợ con, chị Q ở nhà chăm con thì bị bố chồng uống rượu say chửi bới, chị đã xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng

9/2015 đến nay. Anh C có điện thoại về cho chị Q một lần, hai bên cãi cọ nhau trên điện thoại sau đó không có tin tức gì về anh C nữa và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau tính đến nay cũng đã hơn hai năm không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Lương Thị Q và anh Lương Văn C có 01*(một)* con chung là Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015.Vợ chồng ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con, anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.000.000đ*(một triệu đồng).*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho gia đình là mẹ đẻ và anh rể anh Lương Văn C, anh C biết được nội dung chị Q khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con, nh□ng anh C không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Q. Anh C đều vắng mặt không có lý do.Toà án xét thấy anh việc anh C có mặt tại địa phương, nhưng thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cố tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lương Thị Q cho rằng:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Q và anh Lương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Quỳnh.

Về con chung: Vợ chồng có 01*(một)* con chung là Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015. Hiện cháu Hằng còn rất nhỏ, đang ở với mẹ được mẹ chăm sóc.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn C đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chứng tỏ anh C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Q được ly hôn anh C, giao cháu Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Lương Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ *(một triệu đồng)* là phù hợp.

Về tài sản, công nợ: Chị Lương Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người

tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Q được ly hôn với anh Lương Văn C.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa chị Lương Thị Q vẫn gữi nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh Lương Văn C, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã L, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương, hiện anh C vẫn có hộ khẩu tại địa phương, gia đình anh cho biết anh đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về thăm nhà, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Lương Thị Q có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn C. Anh Lương Văn C vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị Q và anh Lương Văn C, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2015, đến tháng 09/2015 vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý và các thủ tục tố tụng khác cho anh C, anh C cũng đã biết toàn bộ vụ việc chị Quỳnh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh.Tòa án xác minh trực tiếp với địa phương, mẹ và anh rể anh C cho biết anh C đi làm ăn thi thoảng có về nhà, bà cũng đã thông báo cho anh biết về việc chị Q xin ly hôn anh, nhưng anh C cố tình trốn tránh không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Hiện nay chị Q làm thủ tục ly hôn bà không có ý kiến gì cả mà tự chị Q quyết định. Ngày 09/2/2018 chị Q đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống với nhau. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị Q và anh C đã sống ly thân một thời gian dài, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

[3].*Về con chung:* Căn cứ vào giấy khai sinh của cháu Lương Thị Mai H, thông tin trong sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là ông Lương Văn Đ (bố đẻ anh C) đủ cơ sở xác định cháu Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015 là con chung của chị Q và anh C.

Xét nguyện vọng xin nuôi cháu Lương Thị Mai H của chị Q. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi cháu H sinh ra đến nay cháu luôn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, hơn nữa tính đến thời điểm vợ chồng ly hôn cháu H mới được 34 tháng tuổi, cháu còn đang rất nhỏ. Để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý, học tập của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện về sự phát triển tốt về thể chất của cháu. Căn cứ các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GĐ năm 2014, giao cháu H cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Xét đề nghị của chị Q yêu cầu anh Cứu có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thị Mai H thấy rằng, để bảo vệ quyền và lợi ích của con chưa thành niên nên buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q hàng tháng là 1.000.000đ *(một triệu đồng)*.Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4].*Về tài sản chung; nợ chung:* Chị Lương Thị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lương Văn C đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy anh C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh Cứu là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên toà quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. *Về án phí:* Chị Lương Thị Q và anh Lương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147**;** điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 5; Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Q.

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Q được ly hôn anh Lương Văn C,

Về con chung: Giao cháu Lương Thị Mai H, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Lương Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ *(một triệu đồng)*.Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 0003201 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị Q đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Lương Văn C phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2018). Anh Lương Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADSH.Thường Xuân;*
- *Các đương sự;*
- *UBND L;*
- *Trợ giúp viên pháp lý;*
- *Lưu HSVA.*